



Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017



Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thông tin về Tập đoàn

Giấy chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0100100008

Ngày 29 tháng 1 năm 2015

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 11 tháng 12 năm 2017. Các Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Quang Nghị	Chủ tịch
Ông Lê Tiến Trường	Ủy viên
Ông Đặng Vũ Hùng	Ủy viên
Ông Phạm Phú Cường	Ủy viên
Ông Lê Khắc Hiệp	Ủy viên
Ông Lê Đình Ngọc	Ủy viên
Ông Don Di Lam	Ủy viên

Cơ quan Tổng Giám đốc

Ông Lê Tiến Trường	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Duy Hạnh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1/3/2018)
Bà Phạm Nguyên Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Vệ Dũng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1/3/2018)
Ông Đặng Vũ Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Phú Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Tân	Giám đốc Điều hành
Ông Nguyễn Khánh Sơn	Giám đốc Điều hành
Ông Lê Mạc Thuận	Giám đốc Điều hành
Bà Phạm Minh Hương	Giám đốc Điều hành
Ông Cao Hữu Hiếu	Giám đốc Điều hành (từ ngày 1/2/2018)

Trụ sở đăng ký

25 Phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tập đoàn Dệt May Việt Nam **Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc**

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 6 đến trang 64 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc



Lê Tiến Trường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 5 tháng 4 năm 2018



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 4 năm 2018, được trình bày từ trang 6 đến trang 64.

Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Cơ quan Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ, nhưng lưu ý người đọc tới:

- Thuyết minh 2(a), 3(a) và 3(c)(iv) của báo cáo tài chính riêng. Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng một số chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính trong việc lập báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ và Bộ Tài chính tại Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017. Các chính sách kế toán này có một số khác biệt so với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính như được nêu cụ thể tại Thuyết minh 2(a), 3(a) và 3(c)(iv) và vẫn tiếp tục có ảnh hưởng đến việc lập báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.
- Thuyết minh 5(c) và Thuyết minh 17 của báo cáo tài chính riêng. Trong năm 2015, căn cứ vào Công văn số 17623/BTC-TCDN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Công văn 17623”), Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã định giá lại các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán mà trước đó đã được xác định trong giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, ghi nhận khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tương ứng với phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư và điều chỉnh lại số liệu kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, giá trị sổ sách của khoản phải nộp là 363.057 triệu VND (1/1/2017: 364.061 triệu VND). Cũng theo Công văn 17623, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải nộp số tiền nói trên về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc của Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

- thuyết minh 38 của báo cáo tài chính riêng đề cập đến việc một số số liệu tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh lại.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi về báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 không bị ngoại trừ về các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-02-143-a



Wang Foon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 5 tháng 4 năm 2018



Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 0296-2018-007-1

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017****Mẫu B 01 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.343.095.113.582	2.365.517.728.659
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	995.440.985.300	819.215.662.212
Tiền	111		49.918.318.633	117.849.884.434
Các khoản tương đương tiền	112		945.522.666.667	701.365.777.778
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		303.242.178.000	637.947.938.000
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	47.062.178.000	74.767.938.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	256.180.000.000	563.180.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		841.687.022.820	708.533.587.442
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	135.755.514.888	61.389.880.675
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		77.284.331.468	87.881.783.694
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7(a)	109.783.108.142	111.229.430.764
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	518.864.068.322	448.032.492.309
Hàng tồn kho	140	9	165.831.278.352	156.807.999.437
Hàng tồn kho	141		165.831.278.352	156.807.999.437
Tài sản ngắn hạn khác	150		36.893.649.110	43.012.541.568
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.967.905.392	4.440.143.874
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		32.294.588.769	37.787.855.748
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15(a)	631.154.949	784.541.946

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Đã điều chỉnh lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		6.533.315.014.522	6.335.695.897.736
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.985.932.119.794	1.726.973.526.400
Phải thu về cho vay dài hạn	215	7(b)	1.652.442.529.361	1.482.678.466.984
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	333.489.590.433	244.295.059.416
Tài sản cố định	220		1.255.782.412.863	1.278.090.939.703
Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.189.563.447.563	1.209.896.712.326
<i>Nguyên giá</i>	222		1.631.262.150.380	1.700.702.831.322
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(441.698.702.817)	(490.806.118.996)
Tài sản cố định vô hình	227	11	66.218.965.300	68.194.227.377
<i>Nguyên giá</i>	228		80.874.691.210	80.744.601.210
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(14.655.725.910)	(12.550.373.833)
Tài sản dở dang dài hạn	240		125.972.077.969	125.145.930.499
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	125.972.077.969	125.145.930.499
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(c)	3.066.500.881.219	3.101.606.455.334
Đầu tư vào công ty con	251		2.154.953.836.070	2.090.422.884.657
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		1.045.808.066.642	1.035.595.276.642
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		52.409.757.683	52.288.294.035
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(186.670.779.176)	(76.700.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		99.127.522.677	103.879.045.800
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	99.101.522.677	103.879.045.800
Tài sản dài hạn khác	268		26.000.000	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		8.876.410.128.104	8.701.213.626.395

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Đã điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		3.008.197.917.955	2.822.789.998.377
Nợ ngắn hạn	310		735.257.115.738	765.530.413.010
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	89.928.105.629	164.628.547.220
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.965.798.146	6.767.799.973
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15(b)	296.053.511	659.530.633
Phải trả người lao động	314		11.742.528.385	14.062.128.220
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16(a)	3.491.194.184	2.667.057.780
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		426.000.000	426.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	399.136.987.389	436.541.355.447
Vay ngắn hạn	320	18(a)	197.181.615.814	111.653.267.949
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	29.088.832.680	28.124.725.788
Nợ dài hạn	330		2.272.940.802.217	2.057.259.585.367
Chi phí phải trả dài hạn	333	16(b)	25.614.144.000	26.562.816.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.526.500.000	1.952.500.000
Phải trả dài hạn khác	337		86.372.730	86.372.730
Vay dài hạn	338	18(b)	2.245.713.785.487	2.028.657.896.637
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		5.868.212.210.149	5.878.423.628.018
Vốn chủ sở hữu	410	20	5.835.789.558.127	5.843.684.653.193
Vốn cổ phần	411	21	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		29.911.650.892	29.911.650.892
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		262.785.062.140	270.680.157.078
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		7.294.908.483	2.975.185.184
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		255.490.153.657	267.704.971.894
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	23	543.092.845.095	543.092.845.223
Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		32.422.652.022	34.738.974.825
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	24	32.422.652.022	34.738.974.825
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		8.876.410.128.104	8.701.213.626.395

Ngày 5 tháng 4 năm 2018

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân
Kế toán trưởng



Lê Tiên Trường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	1.313.233.851.566	766.451.206.887
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	-	1.022.229.876
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.313.233.851.566	765.428.977.011
Giá vốn hàng bán	11	27	1.227.280.152.188	729.157.902.770
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		85.953.699.378	36.271.074.241
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	484.484.745.674	453.171.978.122
Chi phí tài chính	22	29	147.247.200.484	105.903.210.333
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		34.506.544.023	38.985.840.115
Chi phí bán hàng	25		32.819.378.239	20.500.637.554
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	135.692.753.900	158.120.443.733
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		254.679.112.429	204.918.760.743
Thu nhập khác	31	31	1.820.977.647	80.306.917.219
Chi phí khác	32		1.009.936.419	1.837.123.169
Kết quả của các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		811.041.228	78.469.794.050
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		255.490.153.657	283.388.554.793
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	-	15.683.582.899
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		255.490.153.657	267.704.971.894

Ngày 5 tháng 4 năm 2018

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:




Phạm Văn Tân
Kế toán trưởng

Lê Tiên Trường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		255.490.153.657	283.388.554.793
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		99.976.542.251	82.473.925.523
Các khoản dự phòng	03		109.970.779.176	61.800.327.950
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(140.737.472)	(2.313.779.534)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(475.746.708.530)	(518.923.403.383)
Chi phí lãi vay	06		34.506.544.023	38.985.840.115
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		24.056.573.105	(54.588.534.536)
Biến động các khoản phải thu	09		(140.275.886.831)	(56.137.212.610)
Biến động hàng tồn kho	10		(9.023.278.915)	(102.916.509.514)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(5.920.270.873)	55.885.642.401
Biến động chi phí trả trước	12		19.268.235.477	(29.112.864.512)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		30.827.944.622	-
			(81.066.683.415)	(186.869.478.771)
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.315.921.354)	(21.939.713.082)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(15.683.582.899)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(50.890.894.121)	(35.554.694.028)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(136.273.498.890)	(260.047.468.780)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(366.140.327.214)	(504.582.383.534)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		-	95.454.545.455
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(135.392.019.778)	(1.657.040.643.722)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		323.491.000.000	80.200.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(50.049.220.000)	(242.854.900.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		700.142.078	27.471.553.000
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức	27		399.236.195.759	389.744.854.195
Tiền giảm do điều chuyển tài sản cho các đơn vị khác			-	(2.498.805)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		171.845.770.845	(1.811.609.473.411)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		1.164.009.357.496	2.041.281.287.270
Tiền trả nợ gốc vay	34		(773.933.816.139)	(613.010.327.312)
Tiền trả cổ tức	36		(249.993.996.375)	(249.782.600.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		140.081.544.982	1.178.488.359.458

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		175.653.816.937	(893.168.582.733)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		819.215.662.212	1.712.384.244.945
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		571.506.151	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	995.440.985.300	819.215.662.212

Ngày 5 tháng 4 năm 2018

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân
Kế toán trưởng

Lê Tiên Trường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập dưới hình thức công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quyết định số 974/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC-TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

(b) Hoạt động chính

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, giày tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải; vật liệu điện, điện tử; phần mềm và thiết bị tin học; cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
 - Dịch vụ: thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
 - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
 - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
 - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
 - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

Tên	Thông tin chính
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Trung tâm Xử lý nước thải Khu Công nghiệp Dệt May Phố Nối	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-019 ngày 17 tháng 11 năm 2014 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-045 ngày 1 tháng 4 năm 2014 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sợi Phú Hưng	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-046 ngày 30 tháng 7 năm 2014 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-047 ngày 16 tháng 4 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy May Vinatex Kiên Giang	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-048 ngày 1 tháng 6 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-049 ngày 4 tháng 11 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sợi Vinatex Nam Định	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-050 ngày 1 tháng 7 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-051 ngày 26 tháng 7 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 1.186 nhân viên (1/1/2017: 2.578 nhân viên).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, ngoại trừ một số chính sách kế toán được áp dụng trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và vẫn còn có ảnh hưởng đến năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Căn cứ theo Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính, cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện việc (i) ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; và (ii) trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính như sau:

- (i) Đối với khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải phân bổ vào chi phí trong năm 2016 ít nhất bằng chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017, số còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ cho những năm sau nhưng không quá 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021); và
- (ii) Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán đối với các đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi. Đối với các đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán có kết quả sản xuất kinh doanh bị lỗ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán theo quy định hiện hành.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ghi nhận vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn, như đã trình bày trong Thuyết minh 2(a). Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng số lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017. Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn Dệt May Việt Nam tiếp tục phân bổ số lỗ còn lại theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Nếu Tập đoàn Dệt May Việt Nam ghi nhận tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm phát sinh như theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, chi phí trả trước dài hạn và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ cùng giảm 12.116 triệu VND (1/1/2017: 15.146 triệu VND) và chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế TNDN cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm và tăng cùng một giá trị là 3.029 triệu VND (2016: chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế TNDN sẽ tăng và giảm cùng một giá trị là 15.146 triệu VND).

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Cơ quan Tổng Giám đốc dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Chứng khoán kinh doanh, đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn.

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi nhận theo giá trị được xác định lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Khoản 1, Điều 33, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần (“Nghị định 59”) và Khoản 5, Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59, cụ thể như sau:

- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào công ty cổ phần đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm gần nhất với thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần.
- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào (i) cổ phiếu của công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường UPCoM mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm định giá; (ii) cổ phiếu của công ty cổ phần chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán và (iii) các doanh nghiệp khác được xác định trên cơ sở:
 - Tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trên vốn điều lệ, vốn cổ phần hoặc tổng số vốn thực góp tại đơn vị nhận đầu tư.
 - Giá trị vốn chủ sở hữu tại đơn vị nhận đầu tư được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Trường hợp chưa kiểm toán thì căn cứ vào giá trị vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của đơn vị đó để xác định.
 - Trường hợp giá trị khoản đầu tư tài chính khi xác định lại có giá trị thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.

Giá trị đánh giá lại như hướng dẫn ở trên được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Trong trường hợp Tập đoàn Dệt May Việt Nam nhận được cổ tức hoặc lợi nhuận được chia tương ứng với phần tăng thêm do định giá lại khoản đầu tư trong quá trình cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư sẽ được giảm tương ứng với phần cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này (Thuyết minh 3(o)(ii)).

(iii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, như đã trình bày trong Thuyết minh 2(a), Tập đoàn Dệt May Việt Nam không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán đối với các đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi. Đối với các đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán có kết quả sản xuất kinh doanh bị lỗ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán theo quy định hiện hành.

Nếu Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư như theo quy định của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp (“Thông tư 228”) và Thông tư 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 Sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, chi phí tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm 26.499 triệu VND (2016: chi phí tài chính tăng 26.499 triệu VND).

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị thị trường của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn Dệt May Việt Nam khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 4 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”) và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các hợp đồng thuê đất trong vòng 10 đến 40 năm.

(ii) Chi phí thuê nhà xưởng trả trước

Chi phí thuê nhà xưởng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê là 15 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iv) Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được xác định thông qua quá trình cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam và được phân bổ trong vòng 3 năm kể từ khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động.

(v) Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Như đã trình bày trong Thuyết minh 2(a), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, trừ phần chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 đã được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm 2016, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(o) Doanh thu hoạt động tài chính

(i) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia đã sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 3(c)(ii)).

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	1.605.689.971	2.233.016.476
Tiền gửi ngân hàng	48.312.628.662	115.616.867.958
Các khoản tương đương tiền	945.522.666.667	701.365.777.778
	<hr/>	<hr/>
	995.440.985.300	819.215.662.212

Trong tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 7.562 triệu VND (1/1/2017: 47.184 triệu VND) tương ứng với các khoản phải trả cho các trường đào tạo để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCĐN (Thuyết minh 17(i)).

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm 110.000 triệu VND (1/1/2017: 80.000 triệu VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***5. Các khoản đầu tư tài chính****(a) Chứng khoán kinh doanh**

	Số lượng cổ phiếu	31/12/2017			Dự phòng giảm giá VND	Số lượng cổ phiếu	1/1/2017		Dự phòng giảm giá (*) VND
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND			Giá trị hợp lý VND		
Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quốc Dân	6.919.185	47.062.178.000	51.893.887.500	-	10.995.285	74.767.938.000	48.269.301.150	-	

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quốc Dân được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

(*) Căn cứ theo Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính (Thuyết minh 2(a)), cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân do ngân hàng này có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi trong năm 2016.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	256.180.000.000	256.180.000.000	563.180.000.000	563.180.000.000

(*) Các khoản tiền gửi này có kỳ hạn dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 5,3% đến 6,6% (1/1/2017: từ 4,5% đến 5,5%) một năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017					1/1/2017				
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:										
▪ Công ty con										
• Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	51,00%	51,00%	529.510.310.129	-	(*)	51,00%	51,00%	529.510.310.129	-	(*)
• Công ty TNHH Dệt kim Đông Phương	100,00%	100,00%	156.584.867.884	-	(*)	100,00%	100,00%	156.584.867.884	-	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (i)	64,96%	64,96%	189.153.465.950	-	(*)	64,96%	64,96%	150.422.075.950	-	(*)
• Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May	68,34%	68,34%	23.107.500.000	(23.107.500.000)	(*)	68,34%	68,34%	23.107.500.000	(15.795.000.000)	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	81.555.023.813	-	(*)	53,67%	53,67%	81.555.023.813	-	(*)
• Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	100,00%	100,00%	115.815.363.458	-	(*)	100,00%	100,00%	115.815.363.458	-	(*)
• Công ty Cổ phần Len Việt Nam	67,15%	67,15%	28.259.101.159	(28.259.101.159)	(*)	67,15%	67,15%	28.259.101.159	-	(*)
• Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	61,63%	61,63%	24.852.076.451	(7.805.231.920)	(*)	61,63%	61,63%	24.852.076.451	-	(*)
• Công ty Cổ phần Bông Việt Nam	55,00%	55,00%	24.750.000.000	-	(*)	55,00%	55,00%	24.750.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	51,00%	51,00%	41.822.531.336	-	(*)	51,00%	51,00%	41.822.531.336	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex	51,00%	51,00%	41.130.079.185	-	(*)	51,00%	51,00%	41.130.079.185	-	(*)
• Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	53,85%	53,85%	39.196.265.350	-	(*)	53,85%	53,85%	39.196.265.350	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dệt May Huế	63,90%	63,90%	181.864.228.000	-	(*)	63,90%	63,90%	181.864.228.000	-	(*)
• Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex (ii)	100,00%	100,00%	484.078.114.064	(48.991.009.354)	(*)	100,00%	100,00%	450.960.807.502	(28.182.006.565)	(*)
• Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex (iii)	100,00%	100,00%	193.274.909.291	(78.507.936.743)	(*)	100,00%	100,00%	200.592.654.440	(32.722.993.435)	(*)
			<u>2.154.953.836.070</u>	<u>(186.670.779.176)</u>				<u>2.090.422.884.657</u>	<u>(76.700.000.000)</u>	

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2017					1/1/2017				
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty liên kết										
• Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	27,69%	27,69%	64.157.524.344	-	(*)	27,69%	27,69%	64.157.524.344	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo	27,00%	27,00%	33.294.660.248	-	(*)	27,00%	27,00%	33.294.660.248	-	(*)
					(*)					
• Công ty Cổ phần May Đức Giang (iv)	35,21%	35,21%	48.705.288.796	-	(*)	36,79%	36,79%	46.158.338.796	-	(*)
• Công ty Cổ phần May Hưng Yên	35,01%	35,01%	47.350.233.063	-	(*)	35,01%	35,01%	47.350.233.063	-	(*)
					(*)					
• Tổng Công ty May 10 – CTCP (v)	33,82%	33,82%	96.422.578.752	-	(*)	35,51%	35,51%	96.422.578.752	-	(*)
					(*)					
• Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiên (v)	30,40%	30,40%	282.635.440.119	-	(*)	31,92%	31,92%	282.635.440.119	-	(*)
• Tổng Công ty Việt Thăng – CTCP	46,93%	46,93%	196.304.445.135	-	(*)	46,93%	46,93%	196.304.445.135	-	(*)
• Các khoản đầu tư tại các công ty liên kết khác			276.937.896.185	-	(*)			269.272.056.185	-	(*)
			1.045.808.066.642	-				1.035.595.276.642	-	
▪ Đơn vị khác										
• Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	6,09%	6,09%	19.583.559.975	-	(*)	6,09%	6,09%	19.583.559.975	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thăng	18,02%	18,02%	6.305.925.360	-	(*)	18,02%	18,02%	6.305.925.360	-	(*)
• Quỹ Đầu tư Việt Nam	0,82%	0,82%	983.434.274	-	(*)	0,10%	0,10%	1.966.868.548	-	(*)
• Các khoản đầu tư khác			25.536.838.074	-	(*)			24.431.940.152	-	(*)
			52.409.757.683	-				52.288.294.035	-	
			3.253.171.660.395	(186.670.779.176)				3.178.306.455.334	(76.700.000.000)	

Trong năm 2015, căn cứ vào Công văn số 17623/BTC-TCĐN ngày 26 tháng 11 năm 2015 về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Công văn 17623”), Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện định giá lại các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần và điều chỉnh lại số liệu kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015. Phương pháp định giá lại các khoản đầu tư được trình bày chi tiết trong Thuyết minh (c)(ii). Đồng thời, như được trình bày trong Thuyết minh 17, tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam để tính toán và xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp theo chỉ đạo của Văn phòng Thủ tướng. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần có thể sẽ được điều chỉnh theo kết quả làm việc của Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

- (i) Trong năm, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã mua thêm cổ phần do Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ phát hành thêm.
 (ii) Trong năm, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã góp thêm vốn vào Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex theo hình thức góp vốn bằng tài sản hình thành từ các dự án đầu tư như sau:

	VND
Dự án Nhà máy May Quảng Bình	4.621.685.800
Dự án Nhà máy May Tuyên Quang	28.050.000.000
Các tài sản khác	445.620.762
	<u>33.117.306.562</u>

- (iii) Trong năm, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã điều chỉnh giảm giá trị ghi sổ khoản đầu tư vào Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex căn cứ vào quyết toán giá trị tài sản góp vốn.
 (iv) Trong năm, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã mua thêm cổ phần do Công ty Cổ phần May Đức Giang phát hành thêm.
 (v) Trong năm, các công ty liên kết này đã phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông khác, qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết này.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Tập đoàn Dệt May Việt Nam chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 15 công ty con cấp 1 và 19 công ty liên kết (1/1/2017: 15 công ty con cấp 1 và 19 công ty liên kết). Các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác đều được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, không có khoản đầu tư dài hạn nào được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (ngày 1 tháng 1 năm 2017: 75.463 triệu VND).

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải thu của khách hàng là các công ty con		
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	9.142.154.206	933.134.194
▪ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc –Vinatex	3.556.673.252	537.211.802
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	868.421.052	-
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	1.501.551	3.133.206.691
▪ Công ty Cổ phần Dệt kim Vinatex	-	312.519.728
▪ Các công ty con khác	136.694.580	296.014.436
Phải thu của khách hàng là các công ty liên kết		
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	155.700.160	115.162.949
▪ Công ty Cổ phần May Bình Minh	-	303.911.995
▪ Các công ty liên kết khác	375.102.254	467.116.690
Phải thu các khách hàng khác		
▪ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	10.211.652.691	-
▪ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	17.749.803.691	-
▪ Công ty TNHH MTV The Blues	10.974.855.015	-
▪ Xiamen ITG Group Corp., Ltd.	10.462.885.116	-
▪ Ozen Mensucat Boya Terbiye IS L.A.S	5.987.152.176	-
▪ ECOFIL DIS.TIC.A.S	5.827.310.607	-
▪ Winbright (M) Sdn Bhd	4.895.326.316	-
▪ Itochu Coporation Osarm	3.028.983.464	-
▪ Chi nhánh Hà Nội – Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	1.989.097.090	3.829.369.927
▪ Nevres Tekstil San Ve Tic A.S.	-	7.309.125.659
▪ Các khách hàng khác	50.392.201.667	44.153.106.604
	135.755.514.888	61.389.880.675

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Phải thu về cho vay****(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Phải thu về cho vay các công ty con		
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	-	64.999.388.608
▪ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3	52.289.814.936	8.800.000.000
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội – Khoản 1	33.000.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May	3.023.251.050	-
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	-	6.500.000.000
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	-	9.460.000.000
Phải thu về cho vay từ các công ty liên kết		
▪ Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
▪ Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu	1.470.042.156	1.470.042.156
	<hr/>	
	109.783.108.142	111.229.430.764

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn không được bảo đảm, hưởng lãi suất dao động từ 0% đến 10% (2016: từ 0% đến 10%) một năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu về cho vay dài hạn**

	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Đã điều chỉnh lại
Phải thu về cho vay từ các công ty con			
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (i)	2035	530.212.340.697	521.421.854.424
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội – Khoản 1 (i)	2035	216.610.041.473	213.132.524.928
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội – Khoản 2 (ii)	2019 - 2028	104.848.000.000	104.848.000.000
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội – Khoản 3 (ii)	2019 - 2027	32.084.000.000	32.084.000.000
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (i)	2035	213.279.884.378	209.863.483.956
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 1 (i)	2036	134.052.944.101	19.767.954.996
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 2 (iii)	2023	64.999.388.608	-
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế (i)	2035	81.036.653.097	79.734.628.980
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May (iv)	2019	75.987.039.404	75.987.039.404
▪ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3 – Khoản 1 (i)	2035	75.758.982.254	74.541.769.608
▪ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3 – Khoản 2	2020	-	26.889.814.936
▪ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3 – Khoản 3 (v)	2020	63.576.562.952	86.776.562.952
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân (i)	2035	59.996.692.397	37.239.832.800
Phải thu về cho vay từ các bên khác		-	391.000.000
		1.652.442.529.361	1.482.678.466.984

(i) Đây là các khoản Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho các công ty con vay lại từ nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (Thuyết minh 18(b)(iii)). Các khoản cho vay này hưởng lãi suất theo lãi suất mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải trả cho Ngân hàng Phát triển Châu Á và phí phải trả Bộ Tài chính cộng thêm 0,5% phí quản lý của Tập đoàn.

(ii) Khoản phải thu về cho vay này không được đảm bảo và hưởng lãi suất cố định 7% một năm. Khoản vay này liên quan đến khoản tiền chuyển mục đích sử dụng đất được Bộ Tài chính giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm 2015 cho mục đích thực hiện các dự án đầu tư tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội, đã được ghi nhận vào tài khoản Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên báo cáo tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội trong các năm trước. Trong năm 2017, Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May đã xác định đối tượng cần ghi nhận khoản tiền chuyển sử dụng đất này là Tập đoàn Dệt May Việt Nam thay vì Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội và thực hiện điều chỉnh hồi tố tăng Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản và khoản phải thu về cho vay dài hạn tương ứng (Thuyết minh 38).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (iii) Khoản phải thu về cho vay này không được đảm bảo và hưởng lãi suất theo lãi suất mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, được điều chỉnh 3 tháng một lần và dao động từ 5% đến 6% một năm.
- (iv) Khoản phải thu về cho vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại Số 20, Phố Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May và không hưởng lãi.
- (v) Khoản phải thu về cho vay này không được đảm bảo và không hưởng lãi.

8. Phải thu khác**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Các khoản phải thu về cổ phần hóa	5.102.833.324	5.011.933.324
Cổ tức phải thu	374.225.475.780	382.422.718.083
Tiền lãi cho vay	67.173.691.163	6.537.193.943
Lãi tiền gửi	8.909.956.416	10.554.168.887
Phải thu khoản vốn đã góp vào Dự án Đồng Mai	17.500.000.000	22.500.000.000
Các khoản trả hộ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	36.798.951.880	10.095.645.609
Tạm ứng cho công nhân viên	2.626.841.891	1.219.819.024
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6.526.317.868	9.691.013.439
	<hr/>	<hr/>
	518.864.068.322	448.032.492.309

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan như sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty con		
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	82.655.791.576	69.434.694.036
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	19.559.930.024	62.142.070.205
▪ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3	2.746.675.518	3.280.947.150
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	29.374.627.621	27.121.837.945
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	34.287.191.263	30.314.381.069
▪ Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	10.769.080.000	14.807.485.000
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế	19.230.237.532	16.267.354.009
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	7.632.632.926	10.749.521.971
▪ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	36.798.951.880	10.095.645.609
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	28.560.000.000	6.120.000.000
▪ Các công ty con khác	11.569.620.525	16.193.662.016
Công ty liên kết		
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	46.920.720.000	40.217.760.000
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	37.724.718.957	22.500.000.000
▪ Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	24.637.500.000	24.637.500.000
▪ Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP	14.230.339.200	14.230.339.200
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	10.080.000.000	12.600.000.000
▪ Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	8.850.670.500	6.822.204.000
▪ Tổng Công ty May 10 – CTCP	11.505.823.200	9.588.186.000
▪ Các công ty liên kết khác	18.345.447.686	13.668.843.841
	455.479.958.408	410.792.432.051

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Phải thu dài hạn khác từ công ty con		
Tài sản bàn giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex (i)	153.678.500.495	68.483.969.478
Phải thu từ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 (ii)	170.496.650.079	170.496.650.079
Phải thu dài hạn khác		
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	5.311.153.500	5.311.153.500
Khác	4.003.286.359	3.286.359
	333.489.590.433	244.295.059.416

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Phản ánh giá trị ghi sổ của các tài sản thuộc Dự án Nhà máy May Quảng Bình và Nhà máy May Tuyên Quang mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã tạm bàn giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex trong năm. Trong năm, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã bàn giao khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Bình cho mục đích hình thành tài sản cố định của Dự án Nhà máy May Quảng Bình trị giá 81.167 triệu VND (Thuyết minh 18(b)) cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang thực hiện các thủ tục để bàn giao các khoản nợ phải trả còn lại có liên quan đến việc hình thành các tài sản cố định này cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex.

- (ii) Phản ánh khoản tiền chuyển mục đích sử dụng đất được Bộ Tài chính giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm 2015 cho mục đích thực hiện các dự án đầu tư tại Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3, đã được ghi nhận vào tài khoản Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 trong các năm trước. Trong năm 2017, Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May đã xác định đối tượng cần ghi nhận khoản tiền chuyển sử dụng đất này là Tập đoàn Dệt May Việt Nam thay vì Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 và thực hiện điều chỉnh hồi tố tăng Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản và khoản phải thu dài hạn khác tương ứng (Thuyết minh 38).

9. Hàng tồn kho

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Hàng mua đang đi trên đường	195.007.547	28.761.334.057
Nguyên vật liệu	110.195.329.688	51.925.698.819
Công cụ và dụng cụ	37.320.774	680.168.470
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	20.865.159.655	21.959.858.368
Thành phẩm	32.242.465.880	46.568.332.445
Hàng hóa	1.107.283.802	1.038.411.037
Hàng gửi đi bán	1.188.711.006	5.874.196.241
	<hr/>	<hr/>
	165.831.278.352	156.807.999.437

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	471.636.796.240	1.146.838.940.956	48.417.663.440	33.809.430.686	1.700.702.831.322
Tăng trong năm	749.705.336	837.149.835	4.936.454.541	7.826.361.511	14.349.671.223
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	33.025.791.199	28.088.169.667	1.022.096.852	502.458.941	62.638.516.659
Phân loại lại	9.316.515.363	(9.990.798.238)	56.162.935	618.119.940	-
Điều chuyển tài sản cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex	-	(142.896.605.192)	(3.490.899.996)	(41.363.636)	(146.428.868.824)
Số dư cuối năm	514.728.808.138	1.022.876.857.028	50.941.477.772	42.715.007.442	1.631.262.150.380
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	181.368.550.900	275.412.312.617	20.225.206.717	13.800.048.762	490.806.118.996
Khấu hao trong năm	20.203.934.864	68.501.865.429	4.510.652.895	3.659.378.695	96.875.831.883
Phân loại lại	347.686.664	(480.108.453)	-	132.421.789	-
Điều chuyển tài sản cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex	-	(142.718.441.791)	(3.223.442.635)	(41.363.636)	(145.983.248.062)
Số dư cuối năm	201.920.172.428	200.715.627.802	21.512.416.977	17.550.485.610	441.698.702.817
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	290.268.245.340	871.426.628.339	28.192.456.723	20.009.381.924	1.209.896.712.326
Số dư cuối năm	312.808.635.710	822.161.229.226	29.429.060.795	25.164.521.832	1.189.563.447.563

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản cố nguyên giá 104.500 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 212.716 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 1.040.631 triệu VND (1/1/2017: 1.013.840 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	78.833.849.210	1.910.752.000	80.744.601.210
Tăng trong năm	-	130.090.000	130.090.000
Số dư cuối năm	78.833.849.210	2.040.842.000	80.874.691.210
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	11.643.901.504	906.472.329	12.550.373.833
Khấu hao trong năm	1.638.730.776	466.621.301	2.105.352.077
Số dư cuối năm	13.282.632.280	1.373.093.630	14.655.725.910
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	67.189.947.706	1.004.279.671	68.194.227.377
Số dư cuối năm	65.551.216.930	667.748.370	66.218.965.300

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 535 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	125.145.930.499	871.558.660.940
Tăng trong năm	277.602.130.362	443.286.267.272
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(62.638.516.659)	(924.497.204.739)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(1.375.602.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(7.870.154.966)	(36.080.968.422)
Điều chuyển tài sản cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex	(181.099.760.231)	(79.513.092.987)
Điều chuyển tài sản cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	(25.167.551.036)	(148.232.129.565)
Số dư cuối năm	125.972.077.969	125.145.930.499

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Nhà máy Sợi Nam Định	17.326.009.802	21.985.386.962
Nhà máy Sản xuất vải Yarn Dyed	6.714.821.764	13.410.122.957
Nhà máy Sợi Phú Cường	-	20.766.833.497
Nhà máy May Cần Thơ	7.492.867.447	1.899.975.723
Nhà máy May Bạc Liêu	-	14.048.857.262
Nhà máy May Quảng Bình	-	5.557.770.050
Nhà máy May Tuyên Quang	10.205.514.823	29.215.075.863
Nhà máy Liên hợp Sợi-Dệt-Nhuộm-May Quảng Nam	66.631.675.190	6.335.837.250
Các công trình khác	17.601.188.943	11.926.070.935
	<hr/>	
	125.972.077.969	125.145.930.499
	<hr/>	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 108.371 triệu VND (1/1/2017: 85.377 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 2.004 triệu VND (2016: 10.489 triệu VND).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí thuê nhà xưởng trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Lợi thế kinh doanh VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	33.591.876.497	29.927.272.719	14.666.781.925	1.872.985.960	15.146.064.363	8.674.064.336	103.879.045.800
Tăng trong năm	-	10.545.454.545	3.363.337.320	-	-	6.763.926.762	20.672.718.627
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	5.800.000.000	-	-	-	2.070.154.966	7.870.154.966
Phân bổ trong năm	(1.438.695.134)	(4.121.212.128)	(12.282.252.871)	(1.872.985.960)	(3.029.212.871)	(10.576.037.752)	(33.320.396.716)
Số dư cuối năm	32.153.181.363	42.151.515.136	5.747.866.374	-	12.116.851.492	6.932.108.312	99.101.522.677

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, chi phí trả trước dài hạn có giá trị còn lại là 46.394 triệu VND được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (1/1/2017: 34.387 triệu VND).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Phải trả người bán là các công ty con		
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	-	5.829.960.836
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	2.220.331.644	-
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	1.170.869.004	780.100.018
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	-	1.949.447.972
Các công ty con khác	297.453.152	22.453.152
Phải trả người bán là các công ty liên kết		
Tổng Công ty May 10 – CTCP	6.092.704.914	1.150.075.051
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	3.955.333.800	-
Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	5.322.046.399	4.179.091.590
Các công ty liên kết khác	-	79.485.841
Phải trả người bán khác		
Công ty Cổ phần May Tiền Tiến	17.020.434.656	18.758.547.251
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Thờ Thiên Huế	5.316.209.000	2.243.452.000
Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng	3.781.278.350	4.016.714.853
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Thịnh Phú	3.452.386.017	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết kế Xây dựng An Thịnh Phát	2.656.477.385	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Byd Việt Nam	1.928.956.200	19.023.571.173
Công ty TNHH Bentex Trading	23.407.956	125.252.256
Nataka Corporate Private Limited	-	41.374.225.200
Shanghai Weishi Machinery Co., Ltd.	-	2.098.626.000
Truetzschler GmbH & Co. KG	-	172.659.480
Tung Shing Sewing Machine Co., Ltd	-	28.587.688.800
Các nhà cung cấp khác	32.063.894.971	34.237.195.747
	89.928.105.629	164.628.547.220

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước****(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	1/1/2017 VND	Số đã nộp trong năm VND	Số phát sinh/đã thu được trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	220.220.199	-	-	220.220.199
<i>Văn phòng</i>	220.220.199	-	-	220.220.199
Thuế xuất, nhập khẩu	564.321.747	342.617.092	(496.342.770)	410.596.069
<i>Văn phòng</i>	57.246.431	-	(4.483.272)	52.763.159
<i>Chi nhánh Văn phòng Hồ Chí Minh</i>	507.075.316	108.118.972	(257.361.378)	357.832.910
<i>Nhà máy Sợi Phú Hưng</i>	-	54.082.991	(54.082.991)	-
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	-	121.868.221	(121.868.221)	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	-	2.752.674	(2.752.674)	-
<i>Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed</i>	-	53.569.293	(53.569.293)	-
<i>Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi</i>	-	2.224.941	(2.224.941)	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	89.291.705	(88.953.024)	338.681
<i>Chi nhánh Văn phòng Hồ Chí Minh</i>	-	89.291.705	(88.953.024)	338.681
	784.541.946	431.908.797	(585.295.794)	631.154.949

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Thuế GTGT đầu ra VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/được hoàn trong năm VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào/ số phải thu VND	31/12/2017 VND
Thuế						
Thuế GTGT hàng bán nội địa	448.105.524	48.754.137.869	-	(1.510.078.406)	(47.692.164.987)	-
Văn phòng	-	16.321.447.967	-	-	(16.321.447.967)	-
Nhà máy Sợi Phú Hưng	-	5.676.560.970	-	-	(5.676.560.970)	-
Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi	448.105.524	37.171.344	-	(460.333.411)	(24.943.457)	-
Chi nhánh văn phòng Hồ Chí Minh	-	2.277.522.926	-	-	(2.277.522.926)	-
Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	-	8.345.594.862	-	-	(8.345.594.862)	-
Nhà máy Sợi Nam Định	-	3.316.064.593	-	-	(3.316.064.593)	-
Nhà máy Sợi Phú Cường	-	8.012.917.714	-	(322.504.642)	(7.690.413.072)	-
Trung tâm XLNT KCN Dệt May Phố Nối	-	4.766.857.493	-	(727.240.353)	(4.039.617.140)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	4.704.245.365	(4.704.245.365)	-	-
Văn phòng	-	-	2.883.234.963	(2.883.234.963)	-	-
Chi nhánh văn phòng Hồ Chí Minh	-	-	99.744.881	(99.744.881)	-	-
Nhà máy Sợi Phú Hưng	-	-	691.472.930	(691.472.930)	-	-
Nhà máy Sợi Nam Định	-	-	662.719.155	(662.719.155)	-	-
Nhà máy Sợi Phú Cường	-	-	237.817.394	(237.817.394)	-	-
Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	-	-	127.599.701	(127.599.701)	-	-
Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi	-	-	1.656.341	(1.656.341)	-	-
Thuế nhà thầu	10.960.348	-	92.180.677	(103.141.025)	-	-
Văn phòng	10.960.348	-	28.785.921	(39.746.269)	-	-
Nhà máy Sợi Phú Hưng	-	-	33.097.980	(33.097.980)	-	-
Chi nhánh văn phòng Hồ Chí Minh	-	-	30.296.776	(30.296.776)	-	-

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	1/1/2017 VND	Thuế GTGT đầu ra VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/được hoàn trong năm VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào/ số phải thu VND	31/12/2017 VND
Các loại thuế khác	200.464.761	-	3.799.662.806	(3.704.074.056)	-	296.053.511
+ Thuế môn bài	-	-	9.000.000	(9.000.000)	-	-
<i>Văn phòng Hà Nội</i>	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
<i>Trung tâm XLNT KCN Dệt May Phố Nối</i>	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
<i>Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi</i>	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Hưng</i>	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
<i>Nhà máy May Kiên Giang</i>	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
+ Thuế thu nhập cá nhân	200.464.761	-	3.789.693.563	(3.694.104.813)	-	296.053.511
<i>Văn phòng</i>	136.104.799	-	3.181.488.419	(3.123.539.907)	-	194.053.311
<i>Nhà máy Sợi Phú Hưng</i>	46.259.020	-	413.129.898	(388.481.031)	-	70.907.887
<i>Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed</i>	17.363.779	-	60.955.507	(62.353.481)	-	15.965.805
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	181.607	-	122.453.072	(118.327.875)	-	4.306.804
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	555.556	-	11.666.667	(1.402.519)	-	10.819.704
+ Thuế bảo vệ môi trường	-	-	969.243	(969.243)	-	-
<i>Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi</i>	-	-	969.243	(969.243)	-	-
Các khoản phải nộp khác						
Tiền thuê đất	-	-	6.926.303.896	(6.926.303.896)	-	-
<i>Văn phòng Hà Nội</i>	-	-	4.226.653.435	(4.226.653.435)	-	-
<i>Văn phòng Hồ Chí Minh</i>	-	-	2.699.650.461	(2.699.650.461)	-	-
	659.530.633	48.754.137.869	15.522.392.744	(16.947.842.748)	(47.692.164.987)	296.053.511

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Chi phí phải trả****(a) Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.165.348.585	378.685.876
Chi phí phải trả khác	1.377.173.599	1.339.699.904
	<hr/>	<hr/>
	2.542.522.184	1.718.385.780
Phần chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	948.672.000	948.672.000
	<hr/>	<hr/>
	3.491.194.184	2.667.057.780
	<hr/>	<hr/>

(b) Chi phí phải trả dài hạn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền thuê đất phải trả (*)	26.562.816.000	27.511.488.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(948.672.000)	(948.672.000)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	25.614.144.000	26.562.816.000
	<hr/>	<hr/>

(*) Phản ánh số tiền thuê đất tại số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh được điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán về báo cáo năm 2012 của Công ty TNHH Tập đoàn Dệt May Việt Nam của Kiểm toán Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2013.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	865.503.388	1.045.514.062
Phải trả các công ty liên quan	1.269.620.999	3.331.606.229
Quỹ từ thiện	3.395.248.287	3.545.248.287
Phải trả về cổ phần hóa	5.449.245.603	5.449.245.603
Phải trả cho các trường đào tạo (i)	7.562.091.012	47.184.176.063
Cố tức phải trả	223.403.125	217.399.500
Phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (ii)	363.057.205.021	364.061.259.133
Phải trả quỹ khen thưởng, phúc lợi phân bổ cho công ty con	3.055.465.397	2.164.282.867
Lãi vay phải trả	2.106.284.873	1.762.528.380
Các khoản phải trả khác	12.152.919.684	7.780.095.323
	399.136.987.389	436.541.355.447

- (i) Phải trả cho các trường đào tạo là phần vốn xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCDN, chi tiết như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Trường Cao đẳng nghề Kinh tế Kỹ thuật Vinatex	1.190.698.513	4.190.698.513
Trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt May	5.590.422.000	10.289.000.000
Thời trang Hà Nội	780.970.499	32.704.477.550
Trường Cao đẳng nghề Kinh tế Kỹ thuật Vinatex Thành phố Hồ Chí Minh		
	7.562.091.012	47.184.176.063

- (ii) Khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp liên quan đến phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư tài chính tại ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển đổi sang công ty cổ phần (Thuyết minh 5(c)). Theo Công văn 17623, Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp số tiền này về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn phải nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc của Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

18. Vay**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn (*)	43.350.756.737	638.619.518.618	(574.495.921.297)	107.474.354.058
Vay dài hạn đến hạn trả	68.302.511.212	82.786.115.481	(61.381.364.937)	89.707.261.756
	111.653.267.949	721.405.634.099	(635.877.286.234)	197.181.615.814

(*) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thừa Thiên Huế	USD	1,6	2.031.151.266	15.747.976.375
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thừa Thiên Huế	VND	5,5	-	3.370.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Nam Sài Gòn	USD	2,2 - 2,3	-	15.056.735.364
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	USD	1,7	50.763.657.289	9.176.044.998
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Hà Nội	USD	1,6 - 1,7	19.792.177.830	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Xuân	USD	1,5	34.887.367.673	-
			107.474.354.058	43.350.756.737

Các khoản vay ngắn hạn còn số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 không được đảm bảo.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (i)	USD	2,8	2025	105.365.502.515	104.926.314.552
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (i)	VND	9,4	2025	56.756.405.940	46.114.973.272
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Bình (ii)	VND	8,9	2024	-	35.779.304.069
Ngân hàng Phát triển Châu Á (iii)	USD	Thả nổi	2039	1.592.255.045.441	1.422.738.946.572
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (iv)	VND	9,0	2027	3.625.000.000	4.024.506.824
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (iv)	USD	2,8	2027	172.740.530.000	190.679.256.384
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình (v)	USD	4,054	2028	208.771.450.895	240.381.076.704
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình (v)	VND	9,4	2028	23.411.567.449	26.879.947.813
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (ii)	VND	9,0		-	7.541.280.553
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai (vi)	USD	3,2	2025	4.745.371.071	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai (vi)	VND	6,8	2025	4.665.222.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm (vii)	VND	8,8	2024	52.542.532.842	16.833.233.106
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm (vii)	USD	4,15	2024	85.469.576.075	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (viii)	USD	2,5	2024	21.311.902.675	1.061.568.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (viii)	VND	9,1	2024	3.760.940.340	-
				2.335.421.047.243	2.096.960.407.849
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 18(a))				(89.707.261.756)	(68.302.511.212)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				2.245.713.785.487	2.028.657.896.637

(i) Các khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi Nam Định với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 259.532 triệu VND (1/1/2017: 266.598 triệu VND).

(ii) Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 và phát sinh trong năm 2017 của khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Bình và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh đã được chuyển giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex và Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex với giá trị tương ứng là 81.167 triệu VND (Thuyết minh 8(b)) và 32.825 triệu VND.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Khoản vay này được đảm bảo bằng:

- một số tài sản cố định của Tập đoàn Dệt May Việt Nam với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 214.092 triệu VND (1/1/2017: 207.232 triệu VND);
- một số tài sản cố định của các công ty con của Tập đoàn bao gồm Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3, Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, Công ty Cổ phần Dệt May Huế, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú;
- các khoản tương đương tiền của tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm với giá trị là 110.000 triệu VND (1/1/2017: 80.000 triệu VND); và

Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần theo công thức: Libor 6 tháng bằng đồng USD cộng biên độ lãi suất 0,6% trừ (-) một khoản giảm trừ là 0,1% cộng (+) phí bảo hiểm kỳ hạn 0,2%. Khoản vay được hoàn trả từ ngày 1 tháng 6 năm 2020 đến ngày 1 tháng 12 năm 2039, trong 40 kỳ nửa năm, số tiền trả mỗi kỳ được xác định bằng cách nhân tổng số nợ gốc đã rút với phần trả mỗi lần (%) được quy định trong hợp đồng vay.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính. Theo đó, hàng năm, Tập đoàn Dệt May Việt Nam cần lập báo cáo tài chính của dự án được tài trợ bởi khoản vay này và báo cáo về tình hình tuân thủ với các điều khoản của các Hiệp định vay có liên quan. Các báo cáo này cần được kiểm toán và soát xét bởi một đơn vị kiểm toán độc lập.

- (iv) Các khoản vay này được bảo đảm bằng một số tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn của Nhà máy Sản xuất vải Yarn Dyed với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 tổng cộng là 260.675 triệu VND (1/1/2017: 258.671 triệu VND).
- (v) Các khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 376.767 triệu VND (1/1/2017: 371.888 triệu VND).
- (vi) Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy May Quế Sơn với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 66.632 triệu VND.
- (vii) Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy May Tuyên Quang bao gồm các tài sản đã được Tập đoàn chuyển giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex, một công ty thuộc sở hữu 100% của Tập đoàn trong năm 2017 và chi phí xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 10.206 triệu VND.
- (viii) Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy May Cần Thơ bao gồm các tài sản đã được Tập đoàn chuyển giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex, một công ty thuộc sở hữu 100% của Tập đoàn trong năm 2016 và chi phí xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 7.493 triệu VND.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	28.124.725.788	25.787.304.304
Trích lập trong năm	13.385.248.595	13.314.483.430
Sử dụng trong năm	(10.264.754.830)	(8.812.779.079)
Phân phối cho các công ty con	(2.156.386.873)	(2.164.282.867)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	29.088.832.680	28.124.725.788

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 – đã điều chỉnh lại	5.000.000.000.000	29.911.650.892	266.289.668.614	543.092.845.223	5.839.294.164.729
<i>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 – đã báo cáo trước đây</i>	<i>5.000.000.000.000</i>	<i>29.911.650.892</i>	<i>266.289.668.614</i>	<i>235.664.195.144</i>	<i>5.531.865.514.650</i>
<i>Điều chỉnh lại (Thuyết minh 38)</i>	-	-	-	<i>307.428.650.079</i>	<i>307.428.650.079</i>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	267.704.971.894	-	267.704.971.894
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(13.314.483.430)	-	(13.314.483.430)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(250.000.000.000)	-	(250.000.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 – đã điều chỉnh lại	5.000.000.000.000	29.911.650.892	270.680.157.078	543.092.845.223	5.843.684.653.193
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	255.490.153.657	-	255.490.153.657
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(13.385.248.595)	-	(13.385.248.595)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(250.000.000.000)	-	(250.000.000.000)
Biến động khác	-	-	-	(128)	(128)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	5.000.000.000.000	29.911.650.892	262.785.062.140	543.092.845.095	5.835.789.558.127

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam như sau:

	31/12/2017 và 1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	500.000.000	5.000.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	Đã phát hành và đang lưu hành		
	Số cổ phiếu	VND	%
Nhà nước	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VNTEX (trước là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Phát triển Việt Nam) (*)	70.000.000	700.000.000.000	14,00%
Tập đoàn Vingroup - CTCP (*)	50.000.000	500.000.000.000	10,00%
Ông Bùi Mạnh Hưng	30.000.000	300.000.000.000	6,00%
Các cổ đông khác	82.561.900	825.619.000.000	16,51%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%

(*) Đây là các cổ đông chiến lược của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, cổ đông chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 5 năm kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu. Trong trường hợp đặc biệt cổ đông chiến lược cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.

Ngày 10 tháng 3 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thông qua Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCD chấp thuận cho cổ đông chiến lược là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VNTEX được chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần sở hữu trước thời hạn. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VNTEX có trách nhiệm chuyển nhượng cổ phần theo đúng các quy định của pháp luật.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VNTEX đã chuyển nhượng 35.000.000 cổ phiếu cho một bên khác.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 29 tháng 6 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã quyết định phân phối khoản cổ tức năm 2016 là 250.000 triệu VND (tỷ lệ 5% trên mệnh giá) (2016: cổ tức năm 2015 là 250.000 triệu VND).

23. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án đầu tư bao gồm:

	VND
Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng	69.164.195.144
Dự án Nhà máy Sợi Nam Định	80.900.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường	85.600.000.000
Dự án Nhà máy Kéo sợi	104.848.000.000
Dự án Nhà máy May Dệt kim	32.083.999.872
Dự án Di dời và Đầu tư nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt	31.000.000.000
Dự án Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi	85.000.000.000
Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung	54.496.650.079
	<hr/>
	543.092.845.095

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, nguồn vốn này sẽ được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn mà không cần Đại hội đồng Cổ đông thông qua khi các dự án đầu tư hoàn thành và được quyết toán.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án Nhà máy Sợi Nam Định – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Kéo sợi và Dự án Nhà máy May Dệt kim, Dự án Di dời và Đầu tư nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt, Dự án đầu tư Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi và Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phần nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định**

Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định được Ngân sách Nhà nước cấp cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để đầu tư xây dựng Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam. Biến động của nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	34.738.974.825	38.428.776.453
Hao mòn của Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam	(2.316.322.803)	(3.689.801.628)
Số dư cuối năm	<u>32.422.652.022</u>	<u>34.738.974.825</u>

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**(a) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.146.896	25.893.515.342	3.734.321	84.630.914.505
EUR	179	4.836.653	189	4.552.672
		<u>25.898.351.995</u>		<u>84.635.467.177</u>

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	294.029.253.353	309.134.106.014
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	109.170.049.757	172.917.602.652
	<u>403.199.303.110</u>	<u>482.051.708.666</u>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2017 VND	2016 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	1.203.766.796.156	649.027.798.647
▪ Dịch vụ gia công	56.650.568.317	61.647.041.009
▪ Cung cấp dịch vụ	4.800.564.185	16.891.366.173
▪ Doanh thu cho thuê	35.379.360.769	25.417.742.839
▪ Khác	12.636.562.139	13.467.258.219
	<hr/> 1.313.233.851.566	<hr/> 766.451.206.887
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	-	(1.022.229.876)
	<hr/> 1.313.233.851.566	<hr/> 765.428.977.011

27. Giá vốn hàng bán

	2017 VND	2016 VND
Hàng hoá đã bán	1.138.524.484.883	611.103.278.829
Dịch vụ gia công	71.728.093.793	95.544.732.433
Dịch vụ đã cung ứng	17.027.573.512	22.509.891.508
	<hr/> 1.227.280.152.188	<hr/> 729.157.902.770

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***28. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	141.125.779.015	107.654.508.866
Cổ tức	331.782.179.167	333.469.304.204
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	3.122.184.622	1.191.125.246
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.840.764.429	3.769.442.906
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	140.737.472	2.313.779.534
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.473.100.969	4.773.817.366
	<hr/>	<hr/>
	484.484.745.674	453.171.978.122
	<hr/>	<hr/>

29. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	34.506.544.023	38.985.840.115
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	283.434.274	1.052.755.873
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	109.970.779.176	61.800.327.950
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.749.855.478	1.585.684.845
Các chi phí tài chính khác	736.587.533	2.478.601.550
	<hr/>	<hr/>
	147.247.200.484	105.903.210.333
	<hr/>	<hr/>

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	38.978.985.195	41.061.582.963
Chi phí khấu hao và phân bổ	16.791.034.646	26.846.985.569
Chi phí thuê đất và nhà cửa	20.656.476.772	20.599.761.519
Công tác phí	6.636.823.421	8.737.963.813
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.945.978.621	4.033.429.929
Chi phí điện, nước, điện thoại	6.594.216.719	7.697.955.428
Chi phí tư vấn, dịch vụ chuyên môn	3.551.818.181	3.262.917.455
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	38.537.420.345	45.879.847.057
	<hr/>	<hr/>
	135.692.753.900	158.120.443.733
	<hr/>	<hr/>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***31. Thu nhập khác**

	2017 VND	2016 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	-	78.382.752.128
Các thu nhập khác	1.820.977.647	1.924.165.091
	<hr/> 1.820.977.647	<hr/> 80.306.917.219

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	762.466.254.013	660.670.665.113
Chi phí nhân công	106.507.168.792	112.651.977.238
Chi phí khấu hao	99.976.542.251	82.473.925.523
Chi phí dịch vụ mua ngoài	161.343.322.626	135.419.750.613
Chi phí khác	81.643.205.856	63.572.500.944
	<hr/>	<hr/>

33. Thuế thu nhập**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	2017 VND	2016 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	-	15.683.582.899
	<hr/>	<hr/>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	255.490.153.657	283.388.554.793
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	51.098.030.731	56.677.710.959
Thuế tương ứng với chi phí không được khấu trừ thuế	1.213.899.503	2.090.475.686
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận	14.044.505.599	23.609.257.095
Thuế tương ứng với thu nhập không bị tính thuế	(66.356.435.833)	(66.693.860.841)
	-	15.683.582.899

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2016.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***34. Chi tiết doanh thu và lợi nhuận của các đơn vị phụ thuộc**

STT	Đơn vị	Tổng doanh thu 2017 VND	Chi tiết doanh thu			Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN 2017 VND
			Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 2017 VND	Doanh thu hoạt động tài chính 2017 VND	Thu nhập khác 2017 VND	
1	Văn phòng Công ty mẹ	612.908.549.707	132.829.744.186	480.068.093.773	10.711.748	291.746.562.160
2	Các đơn vị phụ thuộc					
	Trung tâm xử lý nước thải KCN					
	Dệt May Phố Nối	5.320.717.937	4.800.564.185	1.196.371	518.957.381	26.540.829
	Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh	73.226.151.088	72.807.544.125	418.606.963	-	(3.415.187.023)
	Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi	123.314.088	123.245.867	68.221	-	(921.807.148)
	Nhà máy Sợi Phú Hưng	440.562.026.652	437.821.506.671	2.432.907.881	307.612.100	11.287.681.654
	Nhà máy May Vinatex Kiên Giang	3.239	-	3.239	-	(1.746.159)
	Nhà máy Sản xuất vải Yarn Dyed	83.722.306.734	83.386.030.063	8.257.837	328.018.834	(32.512.260.239)
	Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường	323.120.576.282	322.173.469.425	651.250.963	295.855.894	(6.216.879.671)
	Nhà máy Sợi Vinatex Nam Định	260.555.929.160	259.291.747.044	904.360.426	359.821.690	(4.502.750.746)
3	Tổng cộng	1.799.539.574.887	1.313.233.851.566	484.484.745.674	1.820.977.647	255.490.153.657

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***35. Các giao dịch chủ yếu với bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Các công ty con		
Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3		
Nhận hoàn trả gốc vay	6.600.000.000	-
Chuyển khoản phải thu ngắn hạn khác thành khoản cho vay	-	42.581.377.888
Cung cấp dịch vụ	-	65.268.000
Cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	-	74.541.769.608
Chuyển khoản cho vay ủy thác với Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam thành khoản cho vay Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3	-	36.888.460.000
Thu nhập lãi vay	1.554.397.078	1.836.374.232
Lãi cho vay nhập gốc cho vay	1.431.579.577	-
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ		
Cổ tức	29.231.242.000	26.856.205.000
Mua vốn cổ phần	38.731.390.000	-
Bán hàng hóa	13.389.286.624	16.977.901.310
Cung cấp dịch vụ	-	751.886.123
Mua hàng hóa	1.444.250.028	-
Cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	-	209.863.483.956
Thu nhập lãi vay	-	558.648.576
Lãi cho vay nhập gốc cho vay	4.019.913.848	-
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú		
Bán hàng hóa	3.186.313.200	-
Doanh thu cho thuê nhà	3.270.415.894	3.356.050.329
Cổ tức	82.299.351.200	67.335.832.800
Mua hàng hóa và dịch vụ	485.600.600	287.411.080
Thu nhập tiền lãi	33.402.778	1.936.262.805
Cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	-	521.421.854.424
Nhận hoàn trả gốc vay	6.500.000.000	11.000.000.000
Lãi cho vay nhập gốc cho vay	10.290.350.558	-
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội		
Cổ tức	-	8.851.950.000
Thu nhập tiền lãi	19.414.305.665	560.661.141
Cung cấp dịch vụ	85.440.000	44.000.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	41.525.217.989	2.580.969.417
Cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	-	213.132.524.928
Khoản cho vay	172.932.000.000	-
Nhận hoàn trả gốc vay	3.000.000.000	-
Lãi cho vay nhập gốc cho vay	4.090.437.230	-

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
Cổ tức	4.379.820.000	4.014.835.000
Khoản cho vay	-	25.000.000.000
Thu nhập tiền lãi	3.523.232.899	4.399.493.281
Cung cấp dịch vụ	33.860.000	1.220.962.068
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.459.251.504	363.134.656
Cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	113.750.024.555	19.767.954.996
Nhận hoàn trả gốc vay	-	35.000.000.000
Lãi cho vay nhập gốc cho vay	667.052.156	-
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài		
Cổ tức bằng tiền	10.769.080.000	14.807.485.000
Cổ tức bằng tài sản	-	8.196.802.699
Cung cấp dịch vụ	-	118.181.818
Mua hàng hóa	46.573.415	181.208.000
Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
Cổ tức	19.169.472.000	15.974.560.000
Mua hàng hóa	9.304.291.660	8.232.465.714
Cung cấp dịch vụ	58.800.000	11.067.217.871
Cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	-	79.734.628.980
Đầu tư góp vốn	-	31.129.910.000
Thu nhập tiền lãi	-	209.747.766
Lãi cho vay nhập gốc cho vay	1.531.324.990	-
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương		
Mua hàng hóa và dịch vụ	9.252.993.293	22.142.419.768
Bù trừ khoản phải thu về cho vay và khoản phải trả tiền thuê tài sản	9.460.000.000	16.240.000.000
Thu nhập tiền lãi	542.282.520	2.605.694.444
Cổ tức	7.632.632.926	4.462.865.195
Cung cấp hàng hóa và dịch vụ	9.563.431.963	29.141.030.120
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân		
Cung cấp dịch vụ	789.473.684	175.454.545
Cổ tức	3.989.219.648	15.938.824.515
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	15.909.090
Cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	22.032.574.930	37.239.832.800
Thu nhập tiền lãi	-	97.652.871
Lãi vay nhập gốc	846.061.618	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May		
Mua hàng hóa	250.000.000	32.449.850.865
Khoản cho vay	3.023.251.050	-

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2017	2016
	VND	VND
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex		
Góp vốn bằng tài sản	33.117.306.562	450.960.807.502
Phải thu về tài sản đã bàn giao	148.428.074.431	68.483.969.478
Cung cấp dịch vụ	4.621.545.797	-
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex		
Đầu tư góp vốn	-	200.592.654.440
Điều chỉnh giảm khoản đầu tư	7.317.745.149	-
Công ty Cổ phần Dệt Kim Vinatex		
Cung cấp dịch vụ	824.474.000	3.062.104.500
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối		
Cổ tức	28.560.000.000	12.240.000.000
Doanh thu cho thuê nhà	2.470.800.000	206.700.000
Mua dịch vụ	3.279.275.945	138.373.800
Tiền thuê đất	-	29.120.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex		
Cổ tức	3.727.500.000	3.727.500.000
Cung cấp dịch vụ	771.213.600	635.628.000
Công ty Cổ phần Vinatex Hồng Lĩnh		
Cổ tức	279.000.000	3.315.426.447
Bán hàng hóa	121.740.000	6.414.777.854
Công ty Cổ phần Bông Việt Nam		
Cổ tức	1.375.000.000	1.375.000.000
Các công ty liên kết		
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP		
Cổ tức	24.637.500.000	24.637.500.000
Cung cấp dịch vụ	-	335.381.818
Mua hàng hóa	7.982.868.650	1.793.569.958
Phí gia công	-	139.820.000
Tổng Công ty May 10 – CTCP		
Cổ tức	11.505.823.200	9.588.186.000
Đầu tư góp vốn	-	42.614.160.000
Cung cấp dịch vụ	120.000.000	309.163.636
Mua hàng hóa	19.547.822.493	12.172.203.574

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Công ty Cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai		
Cổ tức	1.430.956.800	1.533.168.000
Vốn góp	7.665.840.000	-
Cung cấp dịch vụ	-	288.044.064
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	6.381.609
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam		
Thu nhập tiền lãi	2.027.777.778	1.254.833.349
Mua hàng hóa	251.573.986	-
Công ty Cổ phần May Hữu Nghị		
Cổ tức	6.954.246.040	13.753.310.960
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo		
Cổ tức	1.485.000.000	4.870.800.000
Công ty Cổ phần May Bình Minh		
Cổ tức	1.417.500.000	1.417.500.000
Bán hàng hóa	14.776.173.001	3.622.443.528
Công ty Cổ phần May Chiến Thắng		
Cổ tức	612.000.000	-
Công ty Cổ phần May Đáp Cầu		
Cổ tức	3.155.250.000	3.786.300.000
Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	-	1.803.000.000
Tổng Công ty Đức Giang – CTCP		
Cổ tức	8.850.670.500	6.822.204.000
Mua vốn cổ phần	2.546.950.000	-
Mua hàng hóa	17.415.455.027	15.860.012.968
Cung cấp dịch vụ	20.000.000	77.600.000
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến		
Cổ tức	46.920.720.000	40.217.760.000
Cung cấp dịch vụ	25.000.000	338.600.000
Mua hàng hóa	1.135.528.341	1.121.650.414
Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP		
Cổ tức	16.602.061.000	14.230.339.200
Cung cấp dịch vụ	100.000.000	132.000.000
Công ty Cổ phần Dệt lụa Nam định		
Cổ tức	666.512.000	666.511.600

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2017	2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần May Nam định		
Cổ tức	720.000.000	1.080.000.000
Cung cấp dịch vụ	45.840.000	62.000.000
Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu		
Khoản cho vay	105.108.015	1.470.042.156
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP		
Cổ tức	10.080.000.000	12.600.000.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.420.927.535	15.005.067.395
Mua hàng hóa	-	54.363.636
Công ty TNHH Coats Phong Phú		
Cung cấp dịch vụ	273.964.000	1.597.204.000
Mua hàng hóa	-	150.875.667
Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng		
Cổ tức	1.800.000.000	1.800.000.000
Đầu tư góp vốn	-	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinatex		
Thoái vốn	-	7.918.626.154
Công ty Cổ phần May Phương Đông		
Thoái vốn	-	13.083.311.931
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Lương và thù lao đã trả	2.413.368.000	2.741.220.393
Cơ quan Tổng Giám đốc		
Lương và thù lao đã trả	2.791.491.987	3.735.370.048

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***36. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	2017 VND	2016 VND
Tăng đầu tư thuần vào các công ty con thông qua điều chuyển tài sản	25.799.561.413	-
Điều chuyển khoản vay cho các công ty con	113.992.382.510	-
Chuyển khoản phải thu khác thành khoản phải thu về cho vay	36.000.000.000	42.581.377.888
Bù trừ khoản phải thu về cho vay với khoản chi phí thuê nhà xưởng phải trả	9.460.000.000	-
Tiền lãi từ các khoản cho các công ty con vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á nhập gốc cho vay	22.876.719.977	-
Lãi vay nhập gốc vay	29.846.866.176	16.160.526.653
Giảm đầu tư vào công ty con, công ty liên kết do được chia cổ tức liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa	-	4.870.800.000
Bù trừ khoản phải thu về cho vay với khoản phải trả tiền thuê đất trả trước	-	16.240.000.000
Nhận cổ tức bằng tài sản là khoản đầu tư vào đơn vị khác	-	8.196.802.699

37. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán**(a) Thành lập Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Ngày 15 tháng 3 năm 2018, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã phê duyệt đề án thành lập Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Trung tâm Thời trang Vinatex và Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Nhà máy May Quế Sơn. Hội đồng Quản trị giao Tổng Giám đốc Tập đoàn triển khai thực hiện các thủ tục thành lập các chi nhánh theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

(b) Thành lập Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng

Ngày 11 tháng 1 năm 2018, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã tham gia góp vốn thành lập một công ty con mới, Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng, với số vốn điều lệ là 25.000 triệu VND, trong đó tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn là 52%.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Số liệu so sánh

Trong năm 2015, Bộ Tài chính đã có Quyết định số 991/QĐ-BTC và 993/QĐ-BTC ngày 27 tháng 5 năm 2015 và Quyết định số 133/QĐ-BTC ngày 28 tháng 1 năm 2015 về việc chuyển tiền chuyển mục đích sử dụng đất từ tài khoản tạm giữ của Bộ Tài chính để Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội và Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 thực hiện các dự án đầu tư. Theo đó, Bộ Tài chính đã chuyển số tiền 136.932 triệu VND và 170.497 triệu VND từ tài khoản tạm giữ thuộc Cục quản lý công sản – Bộ Tài Chính tại Kho bạc Nhà nước vào tài khoản tương ứng của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội và Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 mở tại Kho bạc Nhà nước cho mục đích giải ngân cho Dự án Nhà máy Kéo sợi tại Khu Công nghiệp Đồng Văn II, Tỉnh Hà Nam; Dự án Nhà máy May Dệt kim tại Cụm Công nghiệp Nam Giang, Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An; Dự án Di dời và Đầu tư nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt tại Thị trấn Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội; Dự án Đầu tư Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi và Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung. Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội và Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3, do đó, đã ghi nhận khoản tiền nhận được vào tài khoản Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên báo cáo tài chính của các công ty này.

Trong năm 2017, Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã tiến hành rà soát và xác định lại theo các quy định hiện hành đối tượng cần ghi nhận khoản tiền chuyển mục đích sử dụng đất nêu trên là Tập đoàn Dệt May Việt Nam thay vì Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội và Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã xác định đây là sai sót cần điều chỉnh hồi tố. Theo đó, một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 đã được điều chỉnh lại.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

Bảng cân đối kế toán riêng

	1/1/2017		
	Theo báo cáo trước đây VND	Số điều chỉnh VND	Đã điều chỉnh lại VND
Phải thu về cho vay dài hạn	1.345.746.466.984	136.932.000.000	1.482.678.466.984
Phải thu dài hạn khác	73.798.409.337	170.496.650.079	244.295.059.416
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	235.664.195.144	307.428.650.079	543.092.845.223

Trừ trường hợp nêu trên, các số liệu so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 5 tháng 4 năm 2018

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân
Kế toán trưởng

